



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	5
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Đường Quảng Ngãi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) theo Quyết định số 2610/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 28/12/2005, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/07/2014 với mã số doanh nghiệp là 4300205943.

Vốn điều lệ : 1.175.133.040.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2014: 1.175.133.040.000 đồng.

Công ty có 11 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, có tổ chức kế toán riêng:

- Nhà máy Bia Dung Quất;
- Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp;
- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam - VINASOY (NM Quảng Ngãi và NM Bắc Ninh);
- Nhà máy Đường Phở Phong;
- Trung tâm môi trường và nước sạch;
- Nhà máy Đường An Khê;
- Nhà máy Bánh kẹo BISCAFUN;
- Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích;
- Trung tâm Giồng mía Quảng Ngãi;
- Nhà máy Nha Quảng Ngãi;
- Nhà máy Cơ khí.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: (84) 055.3822697
- Fax: (84) 055.3822843
- Website: www.qns.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa: Chế biến sữa đậu nành và các sản phẩm từ sữa đậu nành;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất đường;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất phân bón và các hợp chất ni tơ: Sản xuất các loại phân bón vô cơ, vi sinh;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ uống: Kinh doanh bia, đồ uống;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh đường, mật, sữa, bánh kẹo;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước khoáng, nước ngọt các loại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhân và chăm sóc cây giống công nghiệp: Nhân và chăm sóc cây mía giống; Nhân và chăm sóc cây đậu nành;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: Trồng mía;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ các ngành sản xuất và dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp: Kinh doanh và chế tạo công cụ máy nông nghiệp;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác: Sản xuất máy trồng, máy chăm sóc và máy thu hoạch mía;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh phân bón vô cơ, vi sinh; Kinh doanh vỏ chai thủy tinh, kết nhựa các loại; Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu, cồn, nha (đường glucoza); Kinh doanh chế phẩm, phế liệu thu hồi trong sản xuất: mật ri, bã đậu nành, malt bia, bã mía, bã bùn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nha (đường glucoza); Sản xuất và kinh doanh cồn (Ethanol): cồn thực phẩm, cồn nhiên liệu, cồn nhiên liệu biến tính, cồn công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh CO2 thực phẩm và CO2 công nghiệp.
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn về nông học;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- San ủi, làm đất, cày đất, làm đường kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía; Khai thác nước khoáng; Dịch vụ xử lý môi trường nước thải và chất rắn; Thu hồi và kinh doanh khí biogas; Dịch vụ cung cấp năng lượng; Kinh doanh nước sạch; Kinh doanh dịch vụ cảnh quan môi trường.

Công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Thương mại Thành Phát	02 Nguyễn Chí Thanh P.Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	Thương mại	100%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2014 là 3.903 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 479 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Võ Thành Đàng	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 23/04/2011
• Ông Nguyễn Tấn Cương	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	Bổ nhiệm ngày 19/03/2012
• Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 23/04/2011
• Ông Trần Ngọc Phương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2011
• Ông Ngô Văn Tự	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2011
• Ông Nguyễn Chí	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2013
• Ông Đặng Phú Quý	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2011

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Đình Quế	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2011
• Ông Nguyễn Thế Bình	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2011
• Ông Nguyễn Thành Huy	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/04/2011

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Võ Thành Đàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/12/2005
• Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2005
• Ông Cao Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2005
• Ông Võ Thanh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/12/2005
• Ông Trần Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/6/2010
	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31/12/2005

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Võ Thanh Đăng

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1075/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 25/08/2014 của Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 36. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

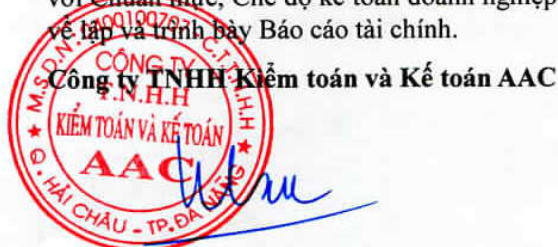
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Trần Dương Nghĩa – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1309-2013-010-11

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 8 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của
Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.779.168.300.702	1.842.293.821.745
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	416.911.164.504	613.764.883.281
1. Tiền	111		130.911.164.504	282.764.883.281
2. Các khoản tương đương tiền	112		286.000.000.000	331.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		473.000.000.000	545.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	473.000.000.000	545.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		231.635.186.916	240.717.179.460
1. Phải thu khách hàng	131		31.777.421.037	30.821.077.116
2. Trả trước cho người bán	132		204.283.488.686	205.005.133.516
3. Các khoản phải thu khác	135	7	6.869.640.915	16.005.501.109
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.295.363.722)	(11.114.532.281)
IV. Hàng tồn kho	140		652.190.482.135	439.807.079.049
1. Hàng tồn kho	141	8	652.190.482.135	439.807.079.049
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.431.467.147	3.004.679.955
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.180.966.364	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		282.335.847	5.225.478
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	307.019.238	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	3.661.145.698	2.999.454.477
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.860.960.456.270	2.169.416.526.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.536.787.740.162	1.777.279.282.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.215.491.675.344	801.284.001.412
- Nguyên giá	222		3.107.359.098.121	2.359.976.002.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.891.867.422.777)	(1.558.692.000.784)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	139.740.793.062	166.503.292.237
- Nguyên giá	225		187.337.494.209	187.337.494.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.596.701.147)	(20.834.201.972)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	734.636.533	639.832.800
- Nguyên giá	228		2.411.648.125	2.285.548.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.677.011.592)	(1.645.715.325)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	180.820.635.223	808.852.156.099
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		205.018.765.945	270.559.749.683
1. Đầu tư dài hạn khác	258	16	205.018.765.945	270.559.749.683
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		119.153.950.163	121.577.494.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	119.101.799.337	121.552.836.080
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.150.826	14.658.234
3. Tài sản dài hạn khác	268	18	10.000.000	10.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.640.128.756.972	4.011.710.348.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.166.931.154.495	2.286.231.861.146
I. Nợ ngắn hạn	310		1.871.373.300.798	1.827.739.806.919
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	1.229.979.996.268	1.281.468.409.316
2. Phải trả người bán	312		120.833.915.109	262.053.671.413
3. Người mua trả tiền trước	313		14.670.657.904	82.171.567.251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	101.110.806.129	76.277.190.751
5. Phải trả người lao động	315		135.101.278.818	76.668.049.443
6. Chi phí phải trả	316	21	117.521.857.585	2.921.770.734
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	111.440.767.968	11.586.627.247
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		40.714.021.017	34.592.520.764
II. Nợ dài hạn	330		295.557.853.697	458.492.054.227
1. Phải trả dài hạn khác	333	23	15.845.044.422	14.839.156.969
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	262.977.061.148	309.374.792.933
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		362.045.454	152.727.273
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		16.373.702.673	134.125.377.052
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.473.197.602.477	1.725.478.487.144
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.473.197.602.477	1.725.478.487.144
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	1.175.133.040.000	979.283.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	25	227.419.225.906	227.419.225.906
3. Cổ phiếu quỹ	414	25	(819.967.785.187)	(375.623.002.730)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	25	167.979.719.509	150.741.719.509
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	25	100.282.583.185	88.632.583.185
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	25	622.350.819.064	655.024.431.274
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.640.128.756.972	4.011.710.348.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	30/06/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại		
+ USD	302.672,16	322.477,72
+ EUR	100,10	100,04
2. Vàng SJC (chi)	16	16

Tổng Giám đốc


Võ Thành Đàng

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng


Trần Ngọc Phương

Người lập biểu


Trần Quang Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của
Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	26	3.499.088.799.078	3.135.146.799.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	131.789.526.302	134.366.831.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	26	3.367.299.272.776	3.000.779.967.085
4. Giá vốn hàng bán	11	27	2.439.255.207.733	2.219.909.327.949
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		928.044.065.043	780.870.639.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	27.933.978.361	36.750.342.458
7. Chi phí tài chính	22	29	43.419.156.004	37.293.766.693
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.417.439.870	30.328.765.112
8. Chi phí bán hàng	24		359.710.414.820	287.103.837.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		102.424.486.031	48.908.873.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		450.423.986.549	444.314.503.635
11. Thu nhập khác	31	30	19.747.953.570	18.249.201.407
12. Chi phí khác	32	31	557.431.398	3.798.151.260
13. Lợi nhuận khác	40		19.190.522.172	14.451.050.147
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	32	469.614.508.721	458.765.553.782
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	74.237.057.522	131.947.025.267
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(27.492.592)	(15.440.516)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	32	395.404.943.791	326.833.969.031
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		395.404.943.791	326.833.969.031
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.714	3.610

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trần Thành Đàng

Trần Ngọc Phương

Trần Quang Trung

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 và các sửa đổi, bổ sung có liên quan của
Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	469.614.508.721	458.765.553.782
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	197.465.932.751	124.563.227.895
- Các khoản dự phòng	03	180.831.441	171.010.396
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.207.192.269	4.138.205.530
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.545.034.846)	(31.027.754.054)
- Chi phí lãi vay	06	39.417.439.870	30.328.765.112
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	06	50.000.000.000	-
3. LN HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	736.340.870.206	586.939.008.661
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.996.938.232)	(4.684.207.864)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(212.383.403.086)	(264.923.751.380)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18.589.753.720	161.759.378.190
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.154.760.402)	668.375.601
- Tiền lãi vay đã trả	13	(37.871.148.094)	(30.762.561.941)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(55.210.152.404)	(109.331.066.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	995.445.744	1.278.556.744
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.553.088.303)	(7.246.794.378)
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh	20	419.756.579.149	333.696.937.099
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ, TSDH khác	21	(149.715.274.505)	(428.154.479.348)
2. Tiền thu T.ly, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	129.737.880	48.352.728
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ đơn vị khác	23	(407.459.016.262)	(306.425.592.660)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ đơn vị khác	24	545.000.000.000	369.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.904.802.523	35.895.533.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.860.249.636	(329.636.185.928)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	170.250.162.300
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP DN đã p/hành	32	(443.332.782.457)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.349.249.520.164	1.268.016.301.904
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.426.291.045.905)	(1.548.347.104.607)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(23.179.725.760)	(22.003.596.307)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(91.056.610.036)	(60.211.121.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(634.610.643.994)	(192.295.358.210)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(196.993.815.209)	(188.234.607.039)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	613.764.883.281	780.123.514.463
Ảnh hưởng thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	140.096.432	13.833.419
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	416.911.164.504	591.902.740.843

Tổng Giám đốc
CỘNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Võ Thành Đăng

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Phương

Người lập biểu

Trần Quang Trung